
**Bản án số: 192/2017/HSST
Ngày: 27/12/2017**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN HUYỆN ĐÔNG ANH THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phi Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Giang.

Ông Nguyễn Hữu Đệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Nguyệt - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa:
Bà Dương Thị Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 168/2017/HSST ngày 16/10/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 210/2017/QĐST - HS ngày 13/12/2017 đối với bị cáo:

Trần Văn L (tức T), sinh năm 1968 tại Hà Nội; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Đội 1 thôn H, xã K, huyện Đ, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 10/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn V và bà: Lưu Thị S; Có vợ: Trần Thị Mai H và có 03 con, lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh năm 2008; Tiền án: Ngày 24/03/2016, Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội tuyên phạt 10 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Ngày 24/02/2017, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm, tuyên phạt 7 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Ngày 07/8/2017, Trần Văn L đi thi hành án phạt tù; Tiền sự: không có; Nhân thân: Bị cáo không có tiền án, tiền sự đã được xóa; Bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án khác - Có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

1. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1951, trú tại: Thôn C, xã Đ, huyện H, Thành phố Hà Nội - Có mặt tại phiên tòa.

2. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1971, trú tại: Thôn C, xã P, huyện Đ, Thành phố Hà Nội - Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

[1] Trần Văn L, không có chức năng tuyển dụng viên chức giáo viên, nhưng đã tung tin, nói dối có quan hệ rộng, quen biết các lãnh đạo trong ngành giáo dục, có thể xin cho những người đã tốt nghiệp các trường sư phạm vào làm viên chức giáo viên các trường trong địa bàn quận B, Thành phố Hà Nội, mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản, lấy tiền tiêu xài cá nhân. Bằng thủ đoạn trên, Trần Văn L đã lừa đảo chiếm đoạt tài sản của nhiều người cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất:

Khoảng giữa năm 2014, Trần Văn L nói với bà Cao Thị H (là người quen của L) có quen ông Lê Ngọc Q là Phó giám đốc Sở Giáo dục - Đào tạo Thành phố H và bà Nguyễn Thị V - Phó giám đốc Sở Nội vụ Thành phố H, chắc chắn xin được cho con, cháu của bà Cao Thị H đỗ viên chức giáo viên tại các trường trên địa bàn quận B, Thành phố H. Bà H đã tin tưởng, nên nói với bạn là ông Nguyễn Văn N và ông Nguyễn Văn H sự việc trên.

Khoảng đầu tháng 6/2014, chị Nguyễn Thị H (tức Hư) sinh năm 1990, có hộ khẩu thường trú tại: thôn B, xã H, huyện Đ, thành phố Hà Nội là cháu của ông Nguyễn Văn N, tốt nghiệp Trường Đại học sư phạm Hà Nội năm 2013 có nguyện vọng dự tuyển thi viên chức giáo viên vào Trường THCS Phú Diễn, quận B, Thành phố Hà Nội. Thấy việc thi tuyển khó khăn, ông Nguyễn Văn N nhờ bà Cao Thị H giới thiệu và gặp Trần Văn L, mục đích để ông nhờ xin giúp chị Nguyễn Thị H đỗ viên chức giáo viên.

Đến khoảng thời gian giữa tháng 6/2014, ông Nguyễn Văn N và bà Cao Thị H đến gặp Trần Văn L tại quán ăn “Đức Đạt” ở thôn B, xã K, huyện Đ, Thành phố Hà Nội. Ông N đã nhờ L xin cho chị Nguyễn Thị H thi đỗ viên chức giáo viên vào công tác tại Trường THCS Phú Diễn, nhưng L nói “đỗ viên chức trường nào là do L sắp xếp, nhưng vào Trường THCS Thượng Cát là dễ nhất”, chi phí xin hết 170.000.000 đồng. Để tạo sự tin tưởng, Trần Văn L nói với ông Nguyễn Văn N, sau khi chị H nộp hồ sơ dự thi viên chức thì photocopy lại 01 bộ đưa cho L để theo dõi xin cho đúng người. Ông Nguyễn Văn N tin tưởng nên nhờ Trần Văn L giúp chị Nguyễn Thị H, đồng thời thông báo cho ông Nguyễn Đình H biết và bảo ông H đưa cho ông 170.000.000 đồng để đưa cho Trần Văn L. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn, ông Nguyễn Đình H hỏi vay và bảo ông Nguyễn Văn N ứng tiền đưa cho Trần Văn L, ông H sẽ trả lại sau.

Ngày 01/7/2014, chị Nguyễn Thị H nộp hồ sơ dự thi viên chức giáo viên tại Phòng Nội vụ Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hà Nội. Khoảng giữa tháng 7/2014, ông Nguyễn Văn N đến khu vực xã K, huyện Đ, Thành phố Hà N, đưa bộ hồ sơ (photocopy) dự thi của chị Nguyễn Thị H cho Trần Văn L. Tại đây L đã thúc giục ông Nguyễn Văn N đưa tiền để chi phí đi xin cho chị Nguyễn Thị H.

Khoảng 11h00’ ngày 31/7/2014, ông Nguyễn Văn N và Bà Cao Thị H đến bàn ăn số 28, quán “Đức Đạt” ở tầng 1 Khu chung cư công nhân D6 thôn B, xã K,

huyện Đ, Thành phố Hà Nội, gặp Trần Văn L. Ông Nguyễn Văn N đã đưa 120.000.000 đồng cho Trần Văn L. Sau khi nhận tiền, Trần Văn L viết “giấy nhận tiền” giao cho ông Nguyễn Văn N giữ, đồng thời yêu cầu ông N sớm giao nốt số tiền còn thiếu.

Khoảng 11h00’ ngày 01/8/2014, ông Nguyễn Văn N cùng với bà Cao Thị H đến tầng 1 quán “Kim Oanh” ở số 95 Hồ Tùng Mậu, phường M, quận C, Thành phố Hà Nội gặp Trần Văn L, tại đây ông Nguyễn Văn N tiếp tục đưa cho Trần Văn L 50.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, Trần Văn L đã viết “giấy nhận tiền” và giao cho ông Nguyễn Văn N giữ. Toàn bộ số tiền đã nhận, Trần Văn L không nhờ ai giúp chị Nguyễn Thị H, mà sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 03/8/2014, chị Nguyễn Thị H đã thi viên chức giáo viên tại hội đồng thi quận B, Thành phố Hà Nội. Ngày 11/8/2014, chị Nguyễn Thị H đến xem kết quả thi thấy không đỗ viên chức giáo viên (chị H được 265,42 điểm; điểm trúng tuyển là 303,4 điểm). Thấy vậy, ông Nguyễn Văn N thông báo cho Trần Văn L. Lúc này Trần Văn L nói dối và bảo để xin phúc khảo bài thi hoặc xin vào làm tại các trường khác của quận B mà điểm thi của chị Nguyễn Thị H đủ điểm trúng tuyển. Ông Nguyễn Văn N đã tin tưởng và đồng ý.

Vụ thứ hai:

Ngày 01/7/2014, chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1993, có hộ khẩu thường trú tại: Cụm 6, xã H, huyện Đ, Thành phố Hà Nội (là cháu của ông Nguyễn Văn H đã tốt nghiệp Cao đẳng sư phạm Hà Nội ngày 27/6/2014) nộp hồ sơ dự thi viên chức giáo viên Trường THCS Thượng Cát, quận B, Thành phố Hà Nội. Ngày 11/8/2014, có kết quả thi, nhưng chị Nguyễn Thị T không trúng tuyển (chị T được 277 điểm, điểm trúng tuyển là 299,76 điểm). Ông Nguyễn Văn H nhờ bà Cao Thị H giới thiệu và gặp Trần Văn L, mục đích để nhờ xin giúp chị Nguyễn Thị T. Khoảng 15h00’ một ngày giữa tháng 8/2014, Trần Văn L đến quán Café ở phố Lê Đức Thọ, gặp ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn C (sinh năm 1965 là bố chị T) và ông Nguyễn Văn N. Ông H và ông C nhờ L xin cho chị Nguyễn Thị T đỗ viên chức giáo viên. Trần Văn L nói dối, khoe quan hệ rộng, chắc chắn giúp chị Nguyễn Thị T đỗ viên chức giáo viên, dưới hình thức phúc tra bài thi để tăng điểm thi, đạt điểm đỗ, chi phí hết 100.000.000 đồng. Sáng ngày 24/8/2014, ông Nguyễn Văn C đã đưa cho anh Nguyễn Văn H 100.000.000 đồng để giao cho Trần Văn L.

Cùng thời điểm đó, Trần Văn L điện thoại nói cho bà Cao Thị H “*xem có cháu nào tốt nghiệp trường mầm non, trung cấp cũng được, anh sẽ lo cho vào viên chức giáo viên ở quận B, Thành phố Hà Nội. Đây là xuất ngoại giao của bà V phó giám đốc ở Sở Nội vụ Thành phố H, không cần phải thi, biên chế trong huyện T, Thành phố Hà Nội, giá rẻ nên anh muốn giành cho con cháu nhà mình, trọn gói 80.000.000 đồng*”. Bà H tin tưởng nên nhờ Trần Văn L xin cho cháu của mình là chị Nguyễn Thị T.1, sinh năm 1991, có hộ khẩu thường trú tại: Thôn H, xã L, huyện Đ, Thành phố Hà Nội đã Tốt nghiệp Trường cao đẳng sư phạm Trung ương năm 2012. Bà H hỏi vay tiền của ông Nguyễn Văn N, đồng thời nhờ ông Nguyễn Văn N giao tiền cho Trần Văn L.

Khoảng 15h00' ngày 24/8/2014, ông Nguyễn Văn N, bà Cao Thị H và ông Nguyễn Văn H đến quán “Café Hoa” ở thôn C, xã H, huyện Đ, Thành phố Hà Nội gặp Trần Văn L, tại đây ông Nguyễn Văn N đưa cho Trần Văn L 80.000.000 đồng; Ông Nguyễn Văn H đưa cho L 100.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền thì Trần Văn L đã viết “giấy nhận tiền” và giao cho ông Nguyễn Văn N và ông Nguyễn Văn H giữ làm tin.

[2] Toàn bộ số tiền nhận của ông Nguyễn Văn N và ông Nguyễn Văn H, Trần Văn L không làm gì giúp chị Nguyễn Thị T và chị Nguyễn Thị T.1, mà sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Đến khoảng đầu tháng 10/2014, vẫn không thấy chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị T và chị Nguyễn Thị T.1 được đi làm, ông Nguyễn Văn N, bà Cao Thị H và ông Nguyễn Văn H yêu cầu Trần Văn L trả lại tiền, nhưng Trần Văn L nói chưa có và xin khất.

Ngày 11/10/2014, Trần Văn L đến xã Đ, huyện H, Thành phố Hà Nội gặp ông Nguyễn Văn N và bà Cao Thị H tiếp tục xin khất nợ. Thấy có biểu hiện lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên ông Nguyễn Văn N yêu cầu Trần Văn L viết “giấy giao nhận tiền để lo trúng tuyển viên chức giáo viên cho chị H”, tổng số tiền đã nhận của ông Nguyễn Văn N là 170.000.000 đồng, mục đích để thay “giấy giao nhận tiền ngày 31/7/2014 là 120.000.000 đồng và “giấy giao nhận tiền” ngày 01/8/2014 là 50.000.000 đồng để giao cho ông Nguyễn Văn N giữ và hủy bỏ 02 “giấy giao nhận tiền” ngày 31/7/2014 và ngày 01/8/2014.

Thấy Trần Văn L thất hứa nhiều lần, không trả lại tiền nên ông Nguyễn Văn N và ông Nguyễn Văn H đến Công an huyện Đông Anh tố giác Trần Văn L về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Ngày 19/10/2015, Trần Văn L đã khắc phục một phần hậu quả trả cho ông Nguyễn Văn H 18.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn H đã trả cho ông Nguyễn Văn C 100.000.000 đồng.

Ngoài ra ông Nguyễn Văn N khai: Ngày 02/12/2015, ông có cho Trần Văn L vay 100.000.000 đồng (có giấy vay tiền). Ngày 05/9/2016, L đã trả 19.000.000 đồng; Ngày 16/5/2017, L đã trả 5.000.000 đồng, tổng là 24.000.000 đồng cho ông Nguyễn Văn N. Hiện nay, L còn nợ ông N 76.000.000 đồng. Nay ông Nguyễn Văn N không yêu cầu giải quyết.

Bà Cao Thị H khai: Năm 2015 (không nhớ ngày, tháng), có cho Trần Văn L vay 18.000.000 đồng, nhưng không viết giấy vay nợ. Ngày 04/9/2015, L đã trả 2.900.000 đồng, còn nợ 15.100.000 đồng. Nay bà Cao Thị H không yêu cầu giải quyết.

[3] **Vật chứng tam giữ:**

- Của ông Nguyễn Văn N: 01 “giấy giao tiền” đề ngày 11/10/2014; 02 “giấy nhận tiền và cam kết” đề ngày 24/8/2014; 01 giấy “cam kết trả nợ” đề ngày

01/11/2014; 01 “giấy khất nợ” đề ngày 23/10/2014 đều có chữ ký chữ viết Trần Văn Lập; 01 bản “cam kết trả tiền” đề ngày 19/10/2015; 01 “đơn đề nghị” đề ngày 22/10/2015 đều có chữ ký, chữ viết Trần Văn L.

- Của ông Nguyễn Văn H: 01 “giấy nhận tiền và cam kết” đề ngày 24/8/2014 có chữ ký, chữ viết Trần Văn L.

- Của Trần Văn L: 01 “giấy biên nhận” đề ngày 19/10/2015. Người nhận tiền là ông Nguyễn Văn H, số tiền 18.000.000 đồng.

[4] Tại bản kết luận giám định số 6542/KLGD – PC54 của Phòng kỹ thuật hình sự CATP Hà Nội đã Kết luận: Chữ ký đứng tên Trần Văn L trên 02 giấy nhận tiền và cam kết đề ngày 24/8/2014; Giấy cam kết trả nợ đề ngày 01/11/2014 và Giấy khất nợ đề ngày 23/10/2014, là chữ ký và chữ viết của Trần Văn L, ký và viết ra. Đối với giấy giao tiền đề ngày 11/10/2014, không đủ cơ sở kết luận.

[5] Xác minh tại Phòng Nội vụ Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hà Nội xác định:

- Ngày 01/7/2014, chị Nguyễn Thị H có đăng ký dự thi viên chức giáo viên môn Hóa học tại Trường THCS Phú Diễn, quận B. Chị Nguyễn Thị H được tổng 265,42 điểm, điểm trúng tuyển là 303,4 điểm. Chị Nguyễn Thị H không trúng tuyển và không làm đơn phúc khảo.

- Ngày 01/7/2014, chị Nguyễn Thị T có đăng ký dự thi viên chức giáo viên môn Địa lý tại Trường THCS Thượng Cát, quận B, Thành phố Hà Nội. Chị Nguyễn Thị T được tổng 277 điểm, điểm trúng tuyển là 299,76 điểm. Chị Nguyễn Thị T làm đơn phúc khảo. Kết quả phúc khảo như điểm thi ban đầu nên không đỗ viên chức giáo viên.

- Chị Nguyễn Thị T.1 không đăng ký dự thi viên chức giáo viên năm 2014 trên địa bàn quận B, Thành phố Hà Nội.

Ông Lê Ngọc Q, sinh năm 1960, trú tại: Số 84, ngõ 81, đường L, phường N, quận C, Thành phố Hà Nội là Phó giám đốc Sở giáo dục và đào tạo Thành phố H cho biết: Ông biết Trần Văn L do cùng công tác tại Trường tiểu học K từ năm 1991 đến 1993. Trần Văn L không nhờ ông xin cho ai thi viên chức giáo viên.

Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1959, trú tại: Số 2, Ngõ 12, đường X, phường X, quận T, Thành phố Hà Nội nguyên là Phó giám đốc Sở Nội vụ thành phố H, về hưu ngày 01/10/2014 cho biết: Bà V không quen biết, không quan hệ, không giúp ai là Trần Văn L xin cho người khác đỗ viên chức giáo viên.

[6]. Tại cáo trạng số 152/CT - VKS ngày 10/10/2017 của Viện kiểm sát Nhân dân huyện Đông Anh đã truy tố Trần Văn L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Trong phần tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, kết luận bị cáo Trần Văn L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 139; Điểm b, p Khoản 1 và Khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 51 Bộ luật hình sự:

- **Xử phạt:** Trần Văn L từ 08 năm đến 09 năm tù. Tổng hợp hình phạt 07 (bảy) năm tù của bản án số 73/2017/HSPT ngày 24/02/2017 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội, buộc bị cáo phải chấp hành chung từ 15 đến 16 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/8/2017 (ngày bị cáo tự nguyện đi chấp hành hình phạt tù của bản án số 73/2017/HSPT ngày 24/02/2017). Được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 25/6/2013 đến ngày 19/9/2013 (theo quyết định của bản án số 73/2017/HSPT ngày 24/02/2017).

- Buộc bị cáo phải trả cho ông Nguyễn Văn N 250.000.000 đồng.
- Buộc bị cáo phải trả cho ông Nguyễn Văn H 82.000.000 đồng.
- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7]. Tại Cơ quan Điều tra, cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội cơ bản như nội dung Cáo trạng đã nêu, không kêu oan và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho mình một phần hình phạt.

[8] Tại Phiên tòa, ông Nguyễn Văn N yêu cầu Trần Văn L trả lại 250.000.000 đồng; Ông Nguyễn Văn H yêu cầu Trần Văn L trả lại 82.000.000 đồng. Ông N, ông H đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

XÉT THẤY

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong khoảng thời gian từ ngày 31/7/2014 đến ngày 24/8/2014 Trần Văn L mặc dù không có quan hệ, không có khả năng xin việc làm, nhưng tự nhận mình có nhiều mối quan hệ quen biết có thể xin việc làm. Vì tin tưởng Trần Văn L nên bà Cao Thị H, ông Nguyễn Văn N và ông Nguyễn Văn H đã nhờ Trần Văn L xin cho các chị Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị T.1 được thi đỗ, trúng tuyển viên chức giáo viên và được vào làm việc tại các trường Trung học cơ sở tại quận B, Thành phố Hà Nội với tổng số tiền là 350.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, bị cáo đã không làm gì như đã hứa mà tiêu xài cá nhân hết.

[2] Hành vi của Trần Văn L đã trực tiếp xâm hại quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an, ảnh hưởng an toàn xã hội. Bị cáo là người đã thành niên, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, bị Nhà nước quy định là tội phạm, nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi gian dối, lợi dụng sự tin tưởng của người khác, để họ giao tài sản cho mình, tổng số tiền mà bị cáo chiếm đoạt là 350.000.000 đồng. Như vậy hành vi của Trần Văn L đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật Hình sự, như kết luận của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh là có căn cứ và phù hợp pháp luật.

Bởi vậy, đối với bị cáo cần áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo; mới đủ tác dụng trừng trị, cải tạo, giáo dục bị cáo cũng như có tác dụng phòng ngừa chung.

[3] Ngoài lần phạm tội này thì khoảng tháng 09/2012 Trần Văn L đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, chưa có bản án. Đến ngày 31/7/2014 và ngày 24/8/2014 lại có hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Ngày 24/02/2017, Trần Văn L mới bị Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm, tuyên phạt 07 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” về hành vi phạm tội xảy ra tháng 9/2012. Do vậy lần phạm tội này của Trần Văn L không phải là tái phạm, tái phạm nguy hiểm.

[4] Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét:

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Trong quá trình công tác từ năm 1995 đến năm 2014 bị cáo có nhiều thành tích trong công tác, học tập và đã được tặng thưởng nhiều giấy khen, bằng khen. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo được quy định tại điểm p và điểm s khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Bị cáo đã trả cho ông Nguyễn Văn H 18.000.000 đồng để khắc phục một phần hậu quả. Tại phiên tòa, những người bị hại đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo được quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Ngoài hình phạt của bản án này bị cáo còn phải chấp hành hình phạt 07 năm tù của bản án số 73/2017/HSPT ngày 24/02/2017 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội, theo quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự.

Ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 139 Bộ luật Hình sự. Xét thấy bị cáo hiện đang chấp hành hình phạt 07 năm tù của bản án số 73/HSPT ngày 24/02/2017 của Tòa án Cấp cao tại Hà Nội, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về nghĩa vụ dân sự: Buộc bị cáo phải trả lại cho ông Nguyễn Văn N 250.000.000 đồng và trả cho ông Nguyễn Văn H 82.000.000 đồng, theo quy định tại Điều 42 Bộ luật hình sự.

[6] Về Án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và $5\% \times (250.000.000 \text{ đồng} + 82.000.000 \text{ đồng}) = 16.600.000$ đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 231 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lý trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. **Tuyên bố:** Bị cáo Trần Văn L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. **Căn cứ vào:**

- Điểm a khoản 3 Điều 139; điểm p, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 51; Điều 33; Điều 42 Bộ luật hình sự.

- Điều 99; Điều 231; khoản 1 Điều 233; Điều 234 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Điểm a và điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

+ Xử phạt: **Trần Văn L** 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 07 (bảy) năm tù của bản án số 73/2017/HSPT ngày 24/02/2017 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội, buộc bị cáo phải chấp hành chung là 14 (mười bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/8/2017 (ngày bị cáo tự nguyện đi chấp hành hình phạt tù của bản án số 73/2017/HSPT ngày 24/02/2017). Được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 25/6/2013 đến ngày 19/9/2013 (theo quyết định của bản án số 73/2017/HSPT ngày 24/02/2017).

+ Buộc Trần Văn L phải trả lại cho ông Nguyễn Văn N 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng.

+ Buộc Trần Văn L phải trả cho ông Nguyễn Văn H 82.000.000 (tám mươi hai triệu) đồng.

+ **Án phí:** Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 16.600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, tuyên có mặt bị cáo và những người bị hại.

Bị cáo và những người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Đông Anh;
- Công an huyện Đông Anh;
- Chi cục THADS huyện Đông Anh;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Phi Hùng

Các Hội thẩm nhân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Phi Hùng